

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN
Bản án số: 31/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28-8-2023
V/v tranh chấp ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đức Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Hằng;
2. Bà Nguyễn Thị Thu Thảo;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Bùi Tuyết Hân, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:
Ông Đinh Văn Lai – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2023; Thông báo về thời gian mở phiên tòa số 21/TB-TA ngày 28 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1992; vắng mặt

Địa chỉ: Số D Quốc lộ B, tổ A, khu phố L, thị trấn M, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Quốc T, sinh năm 1988; vắng mặt

Quốc tịch: Hoa Kỳ;

Nơi cư trú: 2945 Tres Logos L, TX G, USA.

Hộ chiếu số: 521038203. Ngày cấp: 10/3/2014. Nơi cấp: Hoa Kỳ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn trình bày:

Bà Huỳnh Thị H và ông Nguyễn Quốc T tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau, đã tiến hành đăng ký kết hôn vào ngày 09/10/2017 tại Ủy ban nhân dân

huyện H, tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 07. Sau khi kết hôn bà Huỳnh Thị H và ông Nguyễn Quốc T chung sống với nhau được khoảng thời gian một tuần, sau đó giữa tháng 10/2017 ông Nguyễn Quốc T trở về Hoa Kỳ sinh sống đến nay và không còn liên lạc với bà Huỳnh Thị H. Do khoảng cách địa lý vợ chồng không quan tâm chăm sóc nhau, không có sự thông cảm, chia sẻ cho nhau trong cuộc sống nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Đến nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được.

Nay bà Huỳnh Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Quốc T.

Về con chung, tài sản và nợ chung: Bà Huỳnh Thị H trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn trình bày:

Tòa án đã thực hiện các biện pháp cấp tổng đạt theo quy định tại khoản 3 Điều 474 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông Nguyễn Quốc T không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và tài liệu, chứng cứ kèm theo.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Bà Huỳnh Thị H yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Quốc T là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, các quy định của pháp luật, Tòa án nhận định:

[1] Về việc xét xử vắng mặt:

Nguyên đơn bà Huỳnh Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn ông Nguyễn Quốc T: Tòa án đã thực hiện các biện pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 474 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông Nguyễn Quốc T vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227, khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Bà Huỳnh Thị H và ông Nguyễn Quốc T sống với nhau có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân huyện H đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 07 ngày 09/10/2017; đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên là hôn nhân hợp pháp.

Bà Huỳnh Thị H và ông Nguyễn Quốc T kết hôn tự nguyện nhưng hai bên chỉ chung sống thời gian rất ngắn. Từ lúc kết hôn đến giữa tháng 10/2017 ông Nguyễn Quốc T trở về Hoa Kỳ sinh sống và đến nay đã không còn liên lạc với bà Huỳnh Thị H, không giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển mọi mặt, người nào chỉ biết bốn phận người đó; cuộc sống chung vợ chồng giữa bà Huỳnh Thị H và ông Nguyễn Quốc T đã không còn tồn tại, hai bên không thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng đối với nhau. Vì vậy, mục đích của hôn nhân không đạt được. Bà Huỳnh Thị H yêu cầu ly hôn là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên Tòa án chấp nhận.

[3] Về con chung, tài sản chung và nợ chung, bà Huỳnh Thị H không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xét.

[4] Về án phí: Bà Huỳnh Thị H phải chịu án phí sơ thẩm theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 38, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 121, Điều 122, Điều 123, Điều 124, Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Huỳnh Thị H. Bà Huỳnh Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Quốc T.

2. Về án phí:

- Bà Huỳnh Thị H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0008238 ngày 22/4/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận. Bà Huỳnh Thị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Huỳnh Thị H phải chịu lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng lệ phí 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0008261 ngày 24/8/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận. Bà Huỳnh Thị H đã nộp đủ lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- Cục T.H.A.D.S tỉnh Bình Thuận;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Thuận;
- UBND thị trấn M;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Đức Hùng